

— Tổ bầu cử làm nhiệm vụ phát thẻ cử tri; để tránh những sự nhầm lẫn để xảy ra sau khi đối chiếu thấy thẻ cử tri khớp với danh sách cử tri, Tổ bầu cử phối hợp với các nhóm làm danh sách cử tri tiến hành phát thẻ cho cử tri từng xóm, phố và tiểu khu.

3) Phiếu bầu cử:

Về số lượng nên in nhiều hơn tổng số cử tri để phòng phải thay những phiếu viết hỏng.

Chú ý: Hội đồng bầu cử, các ban và các tổ bầu cử khi tiếp nhận phiếu bầu cử, cần phải soát kỹ xem các phiếu đó đã có đóng dấu của Ủy ban Hành chính cấp bầu cử Hội đồng Nhân dân hay chưa.

4) Hòm phiếu:

Hòm phiếu có thể do Ủy ban Hành chính huyện đặt làm cho các xã và thị trấn, do Ủy ban Hành chính thị xã đặt làm cho thị xã và các xã ngoại thị. Số hòm phiếu đặt làm căn cứ vào số khu vực bỏ phiếu trong địa phương.

Mẫu hòm phiếu đã được quy định trong thông tư số 32-TC/TT ngày 10-10-1957 của Bộ Nội vụ.

Hòm phiếu phải làm xong trước ngày bầu cử khoảng 10 ngày để kịp gửi cho Ủy ban Hành chính xã, thị trấn, thị xã chuyển giao cho các tổ bầu cử trong địa phương.

5) Các vật liệu khác cần trữ liệu cho ngày bầu cử:

Ủy ban Hành chính cơ sở cần chuẩn bị trước giấy, mực, bút chì, bút mực, hồ dán, giấy thấm, danh ghim, dầu đèn, mực dấu và con dấu dùng để đóng vào thẻ cử tri chứng nhận là cử tri đã đi bầu cử (có thể là con dấu khác ngày tháng bầu cử) để phân phối cho các phòng bỏ phiếu.

Các tổ bầu cử cũng cần chuẩn bị trước nội quy phòng bỏ phiếu, danh sách cử tri đã được điều chỉnh, danh sách ứng cử của đơn vị bầu cử, bảng kiểm phiếu có ghi sẵn tên các người ứng cử, v.v... để dùng trong ngày bầu cử.

6) Phòng bỏ phiếu:

Phòng bỏ phiếu phải được thiết lập và trang trí xong trước ngày bỏ phiếu. Tổ bầu cử phụ trách làm công việc này với sự giúp đỡ của Ủy ban Hành chính cơ sở và các đoàn thể nhân dân.

Phòng bỏ phiếu có thể thiết lập ngay ở trụ sở Ủy ban Hành chính xã, thị trấn, khu phố và thị xã, hoặc ở một nơi khác trong khu vực bỏ phiếu, miễn là tương đối rộng rãi và thuận tiện cho cử tri đi bầu. Địa điểm và ngày giờ bỏ phiếu phải được loan báo cho cử tri biết trước ngày bầu cử.

Việc trang trí phòng bỏ phiếu sẽ tùy theo khả năng của địa phương và phải biểu lộ sự trang nghiêm của ngày hội lớn của nhân dân. Trong

phòng bỏ phiếu nên dán một số khẩu hiệu ngắn và dễ hiểu nhằm nhắc nhở, động viên cử tri đi bầu cho đông, thận trọng lựa chọn đại biểu xứng đáng, chấp hành thẻ lệ bầu cử, tôn trọng nội quy của phòng bỏ phiếu, v.v...

(Nhưng trường hợp bầu cử Hội đồng nhân dân 2 cấp cùng làm trong một ngày, và đặc biệt của một số thị trấn, trong một khu vực bỏ phiếu có nhiều đơn vị bầu cử, việc tổ chức phòng bỏ phiếu được hướng dẫn cụ thể trong bản kế hoạch tổ chức ngày bầu cử).

★

Bầu cử Hội đồng Nhân dân các cấp lần này là lần đầu sau khi Chính phủ ban hành các luật lệ mới về bầu cử. Cán bộ ít kinh nghiệm hoặc chưa có kinh nghiệm.

Vi vậy, trước khi tiến hành các công tác cử thẻ cán bộ các cấp cần nghiên cứu kỹ các nguyên tắc và thông tư áp dụng thẻ lệ này để nắm vững chủ trương kế hoạch, đồng thời cũng cần nghiên cứu kỹ tình hình thực tế của địa phương để đạt kế hoạch thực hiện cho hợp với hoàn cảnh.

Công tác bầu cử cần tiến hành với tinh thần khẩn trương. Chủ trương kết hợp chặt chẽ các công tác làm cho gọn, nhẹ, bảo đảm thời gian đã quy định.

Hà nội, ngày 29 tháng 11 năm 1958

Bộ trưởng Bộ Nội vụ

PHAN KẾ TOẠI.

THÔNG TƯ số 77-NV/DC ngày 2-12-1958
giải thích về việc các cơ quan, xí nghiệp công nghiệp, nông trường, công trường tham gia bầu cử vào Hội đồng Nhân dân các cấp.

Kính gửi: Ủy ban Hành chính các Khu Tự trị Thái — Mèo, Việt bắc

Ủy ban Hành chính Khu Hồng Quảng và khu vực Vĩnh Linh.

Ủy ban Hành chính các tỉnh, các thành phố.

Việc tham gia bầu cử, ứng cử của cán bộ công nhân, viên chức các cơ quan, xí nghiệp, nông trường và công trường vào Hội đồng Nhân dân nơi nào và cấp nào sẽ căn cứ vào nơi cư trú chính thức của cán bộ, công nhân viên mà nghiên cứu giải quyết cho thích hợp với hoàn cảnh từng địa phương và từng loại xí nghiệp, cơ quan nói chung.

09661159

Tel: +84-8-3845 6684 * www.TruViet.com

Về vấn đề cư trú, thông tư số 31-TT/TC ngày 7-10-1957 của Bộ đã giải thích rõ: « Một người cư trú ở một địa phương khi người đó có chỗ ở chính, làm ăn sinh sống chính, sinh hoạt chính trị chính thức ở địa phương đó và đã được chính quyền xác nhận (như đã đăng ký vào một hộ khẩu chính của địa phương). Nơi mà người công dân được quyền bầu cử và ứng cử phải là nơi mà người đó có nhiều quyền lợi chính trị và kinh tế hơn cả, tức là nơi cư trú đã định nghĩa ở trên... »

Căn cứ vào định nghĩa trên, việc các cơ quan, xí nghiệp, nông trường, công trường tham gia bầu cử, ứng cử vào Hội đồng Nhân dân các cấp giải quyết cụ thể như sau:

1 — ĐỐI VỚI CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH, SỰ NGHIỆP VÀ CƠ QUAN DÂN, ĐẢNG

a) Cán bộ, công nhân viên ở tập thể trong hộ công cộng của cơ quan thì sẽ tham gia bầu cử, ứng cử vào Hội đồng Nhân dân các cấp ở địa phương nơi cư trú của hộ công cộng.

b) Cán bộ, công nhân viên không ở trong hộ công cộng của cơ quan, hàng ngày đến cơ quan làm việc rồi lại về nơi cư trú của mình (nơi ở) thì tham gia bầu cử, ứng cử vào Hội đồng Nhân dân các cấp ở địa phương nơi cư trú của người cán bộ, công nhân viên ấy.

c) Cán bộ, công nhân viên các cơ quan đến địa phương khác để dưỡng bệnh, nghỉ phép hay làm một công tác trong một thời gian rồi lại về cơ quan v.v... thì tham gia bầu cử, ứng cử ở nơi cơ quan đóng (nếu ở tập thể) hoặc ở nơi cư trú chính thức của mình, không tham gia bầu cử ở nơi hiện đang dưỡng bệnh, nghỉ phép, làm việc v.v..

d) Cán bộ nắm chõ ở cơ quan nào sẽ tham gia bầu cử, ứng cử như cán bộ, công nhân viên chức của cơ quan đó.

e) Riêng cán bộ được cử phụ trách xã miền núi, có trách nhiệm về toàn bộ các công tác ở xã thì tham gia bầu cử, ứng cử vào Hội đồng Nhân dân xã mình công tác.

f) Cán bộ quản trị và trại viên các trại thương binh, cư trú tại địa phương nào thì tham gia bầu cử, ứng cử vào Hội đồng Nhân dân các cấp ở địa phương ấy.

g) Cán bộ, công nhân viên công tác ở các bệnh viện, viện điều dưỡng, đều tham gia bầu cử, ứng cử như cán bộ, công nhân viên các cơ quan khác. Riêng bệnh nhân, nếu là người cư trú tại địa phương có bệnh viện hoặc viện điều dưỡng, thì vẫn tham gia bầu cử ứng cử như các cử tri khác trong địa phương. Còn bệnh nhân ở các nơi khác đến thì không bầu cử ở nơi bệnh viện hoặc viện điều dưỡng mà sẽ bầu cử ở nơi cư trú chính thức.

2 — ĐỐI VỚI CÁC XÍ NGHIỆP

a) Cán bộ, công nhân viên cư trú ở trong hộ công cộng của xí nghiệp thì tham gia bầu cử ứng cử vào Hội đồng Nhân dân các cấp ở địa phương nơi có xí nghiệp.

b) Cán bộ, công nhân viên không ở trong hộ công cộng của xí nghiệp, hàng ngày đến xí nghiệp làm việc rồi lại về nơi cư trú của mình (nơi ở riêng) thì tham gia bầu cử, ứng cử vào Hội đồng Nhân dân các cấp ở nơi cư trú của cán bộ, công nhân viên ấy.

c) Cán bộ, sinh viên ở nơi khác đến xí nghiệp thực tập hoặc làm một công tác trong một thời gian, thì không tham gia bầu cử ở nơi xí nghiệp mà tham gia ở nơi cư trú chính thức.

3 — ĐỐI VỚI NÔNG TRƯỜNG

a) Cán bộ, công nhân viên cư trú ở hộ công cộng của các nông trường đều tham gia bầu cử, ứng cử vào Hội đồng Nhân dân các cấp ở địa phương có nông trường.

b) Cán bộ, sinh viên và nhân dân các nơi khác đến làm việc ở nông trường một thời gian, hoặc thực tập rồi lại về nơi cư trú thì không tham gia bầu cử ở địa phương có nông trường.

4 — ĐỐI VỚI CÔNG TRƯỜNG

a) Cán bộ, công nhân viên trong hộ công cộng của các công trường có tính chất cố định ở một địa phương (làm việc tương đối lâu dài trên 2 hay 3 năm ở một địa phương) thì tham gia bầu cử Hội đồng Nhân dân các cấp ở địa phương có công trường.

b) Cán bộ, công nhân viên thuộc các công trường có tính chất lưu động sẽ tham gia bầu cử, ứng cử vào Hội đồng Nhân dân các cấp ở nơi cư trú chính thức.

c) Dân công làm việc tại các công trường thì không tham gia bầu cử ở địa phương có công trường, mà tham gia bầu cử, ứng cử Hội đồng Nhân dân các cấp ở nơi cư trú.

d) Cán bộ, sinh viên, học sinh đến công trường để thực tập hay tham gia lao động xã hội chủ nghĩa trong một thời gian thì không bầu cử ở nơi có công trường.

5 — ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP ĐẶC BIỆT CỦA CÁC XÍ NGHIỆP, NÔNG TRƯỜNG, CÔNG TRƯỜNG TO LỚN

Các hộ công cộng của các xí nghiệp, nông trường, công trường nếu to lớn, có đông cán bộ,

09669159
Tel: +84-3845 6684 * www.LawSoft.com

công nhân viên, số lượng nhân khẩu nhiều hơn số nhân khẩu của xã sở tại, và ở cách xa các xã xung quanh, trong thực tế không có hoàn cảnh tham gia bầu cử Hội đồng Nhân dân xã thì chỉ tham gia bầu cử, ứng cử vào Hội đồng Nhân dân các cấp trên.

★

Trên đây là hướng giải quyết những trường hợp chung. Trong quá trình thi hành nếu gặp trường hợp cụ thể khó giải quyết thì Ủy ban Hành chính khu, tỉnh một mặt dựa vào ý kiến, nguyện vọng của nhân dân và cán bộ, công nhân viên mà xét định. Mặt khác cần báo cáo ngay về Bộ Nội vụ để Bộ kịp thời có ý kiến giải quyết.

Hà nội, ngày 22 tháng 12 năm 1958

Bộ trưởng Bộ Nội vụ

PHAN KẾ TOẠI

BỘ TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ số 119-TC/ST ngày 28-11-1958
về việc thu thuế vào ủy thác bán của Hợp tác xã mua bán.

Hiện nay một số hợp tác xã đã dùng tư thương bán hàng dưới hình thức ủy thác, cho hưởng hoa hồng 2 hay 3%, với mục đích đẩy mạnh việc bán lẻ ở nông thôn, đảm bảo cung cấp hàng cho nông dân với giá qui định của Chính phủ. Nếu thu thuế 3% vào doanh thu bán hàng của hình thức ủy thác thì thuế thu đến 3 nấc từ Mậu dịch đến tay người tiêu thụ, ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh của Hợp tác xã mua bán. Do đó Bộ quyết định cách thu thuế doanh nghiệp vào hình thức ủy thác của Hợp tác xã như sau:

1) Các tổ chức ủy thác bán hàng của Hợp tác xã mua bán được tạm thời nộp thuế doanh nghiệp theo thuế suất 7% tính trên số tiền hoa hồng được hưởng.

2) Thuế lợi tức doanh nghiệp vẫn nộp theo chế độ chung.

3) Thông tư này được thi hành từ tháng 12 năm 1958, tính vào doanh thu tháng 11-1958 để áp dụng thuế suất 7%, không đặt vấn đề truy hoàn, truy thu về thời gian trước.

Hà nội, ngày 28 tháng 11 năm 1958

K.T. Bộ trưởng Bộ tài chính

Thủ trưởng

TRINH VĂN BÌNH

NGÂN HÀNG QUỐC GIA VIỆT NAM

NGHỊ ĐỊNH số 311 — VP/NgĐ ngày 22-11-1958 ban hành thể lệ và biện pháp cho vay ngắn hạn đối với vận tải quốc doanh.

TỔNG GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG QUỐC GIA VIỆT NAM

Căn cứ vào sắc lệnh số 15-SL ngày 6 tháng 5 năm 1951 thành lập Ngân hàng Quốc Gia Việt nam;

Thi hành quyết định số 130-TTg ngày 4 tháng 4 năm 1957 của Thủ tướng phủ về việc thi hành từng bước chế độ hạch toán kinh tế để tăng cường công việc quản lý kinh doanh của các xí nghiệp quốc doanh, giao cho Ngân hàng Quốc Gia phải xây dựng các chế độ cho vay ngắn hạn đối với các ngành kinh tế quốc dân;

Thi hành nghị định số 144-TTg ngày 9 tháng 4 năm 1957 của Thủ tướng phủ về việc tập trung thanh toán không dùng tiền mặt giữa các xí nghiệp quốc doanh, hợp tác xã, cơ quan Nhà nước và đơn vị bộ đội;

Căn cứ vào công văn số 5299-TN ngày 19 tháng 11 năm 1958 của Thủ tướng phủ đồng ý về nội dung bản thể lệ và biện pháp cho vay ngắn hạn đối với vận tải quốc doanh;

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. — Nay ban hành thể lệ và biện pháp cho vay ngắn hạn đối với vận tải quốc doanh kèm theo nghị định này.

Điều 2. — Thể lệ và biện pháp này được áp dụng từ ngày ban hành theo mức độ tiến hành hạch toán kinh tế của các tổ chức vận tải đường sắt, vận tải thủy (sông và biển) và quốc doanh vận tải ô-tô.

Điều 3. — Các ông Chánh văn phòng, Giám đốc Vụ, Sở ở Ngân hàng trung ương và các ông Trưởng Chi nhánh Ngân hàng toàn quốc chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà nội, ngày 22 tháng 11 năm 1958

Tổng Giám đốc Ngân hàng Quốc Gia Việt nam

LÊ VIẾT LƯỢNG

THỂ LỆ VÀ BIỆN PHÁP CHO VAY NGẮN HẠN ĐỐI VỚI VẬN TẢI QUỐC DOANH

CHƯƠNG I

MỤC ĐÍCH

Điều 1. — Ngân hàng Quốc Gia Việt nam cho các xí nghiệp Vận tải quốc doanh vay ngắn hạn nhằm mục đích giải quyết một phần nhu cầu vốn lưu động để giúp các xí nghiệp vận tải thực hiện